

Bài báo khoa học

Quản trị an ninh phi truyền thống liên quan biến đổi khí hậu để phát triển bền vững

Nguyễn Đức Toàn^{1*}

¹ Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; toantnmt@gmail.com

*Tác giả liên hệ: toantnmt@gmail.com; Tel.: +84-979716466

Ban Biên tập nhận bài: 20/4/2024; Ngày phản biện xong: 24/5/2024; Ngày đăng bài: 25/10/2024

Tóm tắt: Trước những thách thức từ biến đổi toàn cầu, an ninh phi truyền thống (ANPTT) liên quan với BĐKH ngày càng có vai trò quan trọng đối với ổn định kinh tế, xã hội và phát triển bền vững (PTBV) của quốc gia. Các giải pháp quản trị ANPTT liên quan đến biến đổi khí hậu (BĐKH) để PTBV ở Việt Nam gồm: (i) Tích hợp đồng bộ ANPTT - bảo vệ môi trường (BVMT) - ứng phó BĐKH - PTBV; (ii) Nâng cao nhận thức cộng đồng về bản chất, xu thế, tác động và trách nhiệm của các bên liên quan trong thực hiện giải pháp ngăn chặn các mối đe dọa ANPTT; (iii) Chủ động, tích cực phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa ANPTT liên quan BĐKH; (iv) Tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về phòng ngừa, kiểm soát và ứng phó với các mối đe dọa ANPTT; (v) Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính đa dạng; (vi) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức về an ninh phi truyền thống, BVMT, ứng phó BĐKH để PTBV; (vii) Nâng cao năng lực và vai trò các bên liên quan trong tích hợp đồng bộ hệ thống ANPTT gắn với BVMT, ứng phó BĐKH để PTBV.

Từ khóa: Quản trị; An ninh phi truyền thống; Biến đổi khí hậu; Phát triển bền vững.

1. Mở đầu

ANPTT là đảm bảo an toàn, ổn định và PTBV của quốc gia, con người, doanh nghiệp bằng các công cụ luật pháp, quyền lực nhà nước, nguồn lực con người và năng lực và nguồn lực của doanh nghiệp [1]. “Các vấn đề ANPTT đe dọa trực tiếp tới sự tồn tại và phát triển của con người (các cá nhân, nhóm dân cư, cộng đồng), tổ chức, doanh nghiệp và nhà nước (đảng cầm quyền, thể chế...) trong bối cảnh toàn cầu hóa, biến đổi toàn cầu và BĐKH như: an ninh doanh nghiệp gắn với an ninh kinh tế; an ninh doanh nghiệp gắn với an ninh con người; an ninh con người và sức khỏe; an ninh lương thực; an ninh môi trường; an ninh năng lượng; an ninh văn hóa và giáo dục; an ninh mạng và an ninh thông tin...” [2]. ANPTT liên quan với BĐKH là nguy cơ tiềm ẩn, đe dọa an ninh khí hậu, an ninh con người, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng,... Các mối đe dọa ANPTT thường lan tỏa nhanh, ảnh hưởng rộng mang tính khu vực hoặc toàn cầu. Các tác động bởi mặt trái của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa [3], biến đổi toàn cầu trong đó có BĐKH, thiên tai, dịch bệnh,... đe dọa đến an ninh khí hậu, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh môi trường, an ninh nguồn nước,... [4].

ANPTT được chính thức nhắc đến ở Việt Nam tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 4/2011) [5]. Trong đó nhấn mạnh an ninh năng lượng, an ninh lương thực, BĐKH sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 1/2016) đặt ANPTT bên cạnh an ninh truyền thống và chỉ ra một số vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, BĐKH, thiên tai, dịch bệnh, an ninh mạng, xung đột

sắc tộc, tôn giáo, khủng bố [6]. Đồng thời có lưu ý đến “các hình thái chiến tranh kiểu mới” với hàm ý khả năng chuyển hóa giữa ANPTT và an ninh truyền thống [3].

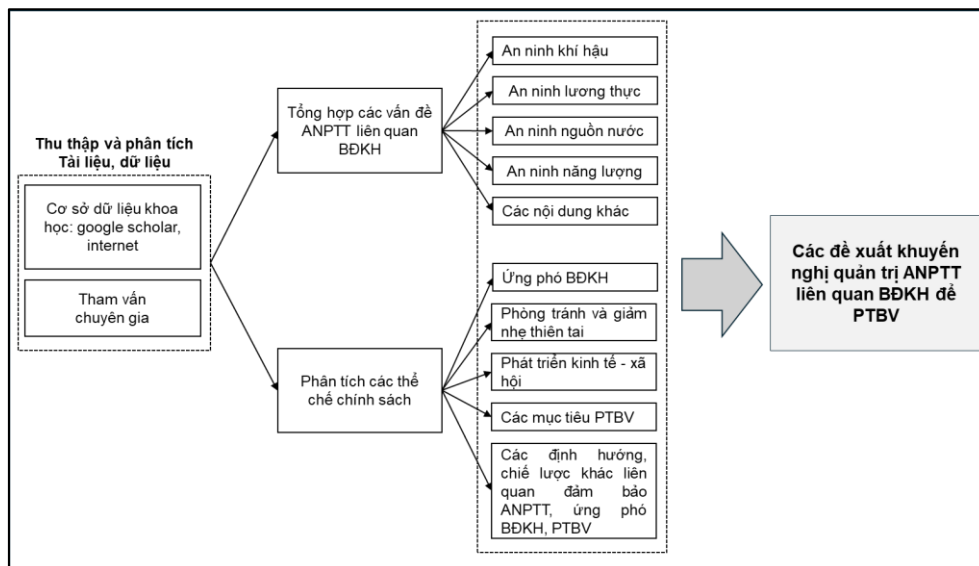
Là một bộ phận của ANPTT, an ninh môi trường đã được đưa vào Luật Bảo vệ môi trường 2014 với định nghĩa “an ninh môi trường là việc bảo đảm không có tác động lớn của môi trường đến sự ổn định chính trị, xã hội và phát triển kinh tế của quốc gia” [7]. Đây là lần đầu tiên khái niệm an ninh môi trường chính thức được đưa vào trong văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam. Điều này cho thấy tầm quan trọng và những thay đổi trong nhận thức của Đảng và Nhà nước về vấn đề an ninh môi trường ở Việt Nam, coi các thách thức môi trường là vấn đề đe dọa tới an ninh quốc gia, cần phải được cảnh báo và có phương án ứng xử hợp lý.

Theo đánh giá của IPCC, Việt Nam là một trong 9 quốc gia chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của BĐKH và nước biển dâng [8], làm trầm trọng hóa các vấn đề như xung đột trong tranh chấp tài nguyên, nhất là tài nguyên nước; căng thẳng trong cung cấp năng lượng, lương thực; có thể gia tăng nghèo đói, bất bình đẳng giới, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe,... BĐKH đã trở thành thách thức ANPTT lớn nhất mà thế giới đang phải đối mặt, nổi lên như một yếu tố thách thức và tiềm ẩn nguy cơ cho sự tồn tại và PTBV của các quốc gia, trong đó có Việt Nam [9]. Chính vì vậy, quản trị ANPTT liên quan BĐKH sẽ góp phần PTBV, bảo vệ an ninh quốc gia trong bối cảnh biến đổi toàn cầu. Mục tiêu nghiên cứu của bài báo là phân tích các chiều cạnh liên quan đến nội dung ANPTT liên quan đến BĐKH trên thế giới và ở Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thu thập và tổng hợp tài liệu

Chủ đề ANPTT còn khá mới mẻ ở Việt Nam, nghiên cứu đã tiến hành thu thập các tài liệu liên quan về quản trị ANPTT trên thế giới và ở Việt Nam. Các tài liệu thu thập được phân loại, sắp xếp theo các chủ đề và phân tích các chiều cạnh của quản trị ANPTT liên quan với BĐKH, PTBV và an toàn trên thế giới và ở Việt Nam (Hình 1).



Hình 1. Sơ đồ mô tả cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.

2.2. Phương pháp chuyên gia

Các chủ đề về quản trị ANPTT được tham vấn các chuyên gia là các nhà khoa học, nhà quản lý, lập chính sách về các lĩnh vực BĐKH, an ninh lương thực, năng lượng, nguồn nước, an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, sức khỏe cộng đồng và phát triển bền vững. Phương pháp để tham vấn chuyên gia là phỏng vấn sâu thông qua thảo luận với các chuyên gia về các chủ đề ANPTT để phát triển các nội dung nghiên cứu (Hình 1).

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Nội dung của ANPTT liên quan đến BĐKH

3.1.1. An ninh khí hậu

An ninh khí hậu có quan hệ chặt chẽ với an ninh quốc gia, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới và sức khỏe cộng đồng trong điều kiện BĐKH [10–12]. Quản trị an ninh khí hậu có vai trò đặc biệt quan trọng đối với an ninh quốc gia, PTBV, thịnh vượng, an toàn. Các nội dung, giải pháp quản trị an ninh khí hậu bao gồm: (i) Nhận diện, đánh giá, phát triển các kịch bản an ninh theo các mức độ tác động, tổn thương khác nhau của BĐKH, thiên tai [13]; (ii) Thực hiện chiến lược, kế hoạch, giải pháp triệt tiêu, giảm thiểu các tác động của BĐKH đến an ninh quốc gia, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an sinh xã hội, bình đẳng giới và sức khỏe cộng đồng; (iii) Xây dựng hệ thống chính trị, xã hội, kinh tế, hệ thống lương thực, năng lượng, tài nguyên nước chống chịu cao với BĐKH, thiên tai; (iv) Lồng ghép, tích hợp nội dung an ninh khí hậu vào các thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch hành động cấp quốc gia, bộ ngành, địa phương để [14]; (v) Tăng cường hợp tác quốc tế trong đảm bảo an ninh khí hậu, bảo vệ hệ sinh thái và sinh kế toàn cầu, khu vực, phát hiện và giám sát các mối đe dọa về an ninh liên quan đến BĐKH [15]; (vi) Nguồn nhân lực cho đảm bảo an ninh khí hậu bao gồm: tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn là lực lượng tại chỗ thực hiện hoạt động phòng, chống thiên tai, cực đoan khí hậu, nước biển dâng; dân quân tự vệ là lực lượng tại chỗ thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, cực đoan khí hậu theo phương án phòng, chống thiên tai của địa phương và sự điều động của người có thẩm quyền; quân đội nhân dân, công an nhân dân có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, cực đoan khí hậu, nước biển dâng và là lực lượng nòng cốt trong công tác sơ tán người, phương tiện, tài sản, cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội theo sự điều động của người có thẩm quyền; tổ chức, cá nhân tình nguyện tham gia hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai, cực đoan khí hậu theo sự chỉ huy của người có thẩm quyền [15].

3.1.2. An ninh lương thực trong bối cảnh BĐKH

BĐKH toàn cầu và khu vực có xu hướng ngày càng bất lợi như nước biển dâng, nhiệt độ tăng cao, bão lũ, hạn hán,... tác động xấu đến nguồn nước, tài nguyên đất, hệ sinh thái, cây trồng, vật nuôi, quá trình sản xuất, thu hoạch, chế biến, vận chuyển, phân phối sản phẩm nông nghiệp, đe dọa ngày càng nghiêm trọng đến an ninh lương thực. An ninh lương thực trong bối cảnh BĐKH là đảm bảo ổn định và bền vững nguồn cung, khả năng tiếp cận, sử dụng nguồn lương thực của mọi người với mức chi phí có thể chi trả được để đáp ứng nhu cầu về năng lượng và dinh dưỡng của con người trong mọi điều kiện BĐKH. An ninh lương thực cần được đảm bảo không chỉ ở qui mô quốc gia, toàn cầu mà phải ở cả cấp hộ gia đình [10, 16, 17].

Các nội dung, giải pháp quản trị an ninh lương thực trong bối cảnh BĐKH bao gồm: (i) Quy hoạch, bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững đất nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực theo các kịch bản BĐKH, tình huống thiên tai [18–20]; (ii) Phát triển giống cây lương thực, thực phẩm có năng suất và chất lượng cao, thích ứng với điều kiện BĐKH, chống chịu sâu bệnh hại [19]; (iii) Phát triển giống vật nuôi, thủy sản hợp lý về chủng loại, thích nghi rộng về sinh thái góp phần cân đối về năng lượng và dinh dưỡng cho người dân trong điều kiện BĐKH [19]; (iv) Phát triển, hoàn thiện giải pháp về hệ thống sản xuất, công nghệ canh tác, nuôi trồng, phòng chống dịch hại, bảo quản và chế biến nông sản và hệ thống phân phối lương thực theo hướng hiệu quả cao, sử dụng ít vật tư và giảm phát thải khí nhà kính, BVMT, hướng tới phát triển một nền nông nghiệp xanh, nông nghiệp thông minh và nông nghiệp bền vững thích ứng với BĐKH [19]; (v) Phát triển các nguồn lực từ xã hội và người dân, từ các thành phần kinh tế để phát triển sản, xuất, chế biến, phân phối lương thực, thực phẩm; (vi) Hợp tác quốc tế về đảm bảo an ninh lương thực trong bối cảnh BĐKH; (vii) Hoàn thiện thể

chế, chính sách an ninh lương thực; (viii) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức về bảo vệ an ninh lương thực; tăng cường khả năng chống chịu của các loại hình sinh kế dựa vào nông nghiệp; xây dựng mô hình tổ chức, quản lý sản xuất nông nghiệp phù hợp nhằm hỗ trợ xây dựng năng lực chống chịu trước các cú sốc về lương thực cho nhóm yếu thế và nhóm dễ bị tổn thương cũng như chia sẻ rủi ro trong sản xuất nông nghiệp [19].

3.1.3. An ninh năng lượng trong bối cảnh BĐKH

An ninh năng lượng trong bối cảnh BĐKH là đảm bảo cung cấp hay tiếp cận năng lượng đầy đủ, ổn định, có chất lượng cao với giá cả hợp lý cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần BVMT, sinh thái trong điều kiện BĐKH [8, 21].

Để duy trì an ninh năng lượng trong bối cảnh BĐKH, cần thực hiện các nội dung, giải pháp quản trị như sau: (i) Phát triển đồng bộ, đa dạng hoá và tự chủ các nguồn năng lượng, trong đó có năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và các nguồn năng lượng bền vững [12, 22]; (ii) Nâng cao khả năng chống chịu và giảm mức độ tổn thương của các nguồn cung, truyền tải, lưu trữ, phân phối năng lượng trước tác động của BĐKH, thiên tai [11]; (iii) Cơ cấu lại các ngành và khu vực tiêu thụ năng lượng; đồng thời khuyến khích sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng [21, 23]; (iv) Phát triển các nguồn lực từ xã hội và người dân, từ các thành phần kinh tế để phát triển sản xuất, truyền tải, phân phối các dạng năng lượng, đặc biệt là năng lượng mới, năng lượng tái tạo [22, 24]; (v) Phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng ứng phó hiệu quả với BĐKH, thiên tai [24]; (vi) Phát triển hợp tác quốc tế, các đối tác chiến lược và đầu tư tài nguyên năng lượng ở nước ngoài để đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia trong điều kiện BĐKH [21]; (vii) Hoàn thiện và phát triển thể chế, chính sách đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia trong mọi tình huống, kể cả trong điều kiện BĐKH, thiên tai.

3.1.4. An ninh nguồn nước trong bối cảnh BĐKH

Vấn đề an ninh nguồn nước trên toàn cầu đang đứng trước nhiều thách thức, đe dọa. Trong lịch sử đã từng xảy ra nhiều cuộc xung đột, chiến tranh giữa các quốc gia do mâu thuẫn trong chia sẻ và kiểm soát nguồn nước. Có thể thấy rằng khủng hoảng tài nguyên nước, ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước đang là vấn đề nóng của thế giới hiện nay, mang tính toàn cầu và đe dọa tới sự tồn vong và phát triển của loài người. Ở Việt Nam, sự khan hiếm, thiếu hụt nguồn nước do phụ thuộc vào các con sông xuyên biên giới, nhất là sông Mê Công và sông Hồng, ô nhiễm các lưu vực sông, cạn kiệt các nguồn nước ngầm là thách thức rất lớn đối với an ninh nguồn nước. Một trong những nguyên nhân gây nên tình trạng khan hiếm nguồn nước ngọt, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông ở phía hạ nguồn là sử dụng không bền vững nguồn nước ở vùng thượng nguồn.

Các nội dung, giải pháp quản trị an ninh nguồn nước trong bối cảnh BĐKH bao gồm: (i) Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra, nghiên cứu, đánh giá, dự báo, quan trắc chất lượng, số lượng và xây dựng cơ sở dữ liệu về biến động, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong điều kiện BĐKH [12]; (ii) Thực hiện quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước các vùng lãnh thổ, các lưu vực sông lớn, đảm bảo khai thác, sử dụng, bảo vệ có hiệu quả nguồn nước nội địa trong điều kiện BĐKH [12, 25]; (iii) Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các tiêu chuẩn quy định khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tổng hợp và đa mục tiêu tài nguyên nước ứng phó BĐKH và nước biển dâng [25]; (iv) Cải tạo, nâng cấp, tu bổ và xây mới các công trình thủy lợi, thủy điện, hệ thống đê sông, đê biển, cơ sở hạ tầng sản xuất, phân phối, sử dụng nước bền vững, ứng phó hiệu quả với BĐKH, thiên tai [25]; (v) Phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh nguồn nước trong điều kiện BĐKH, thiên tai; phát triển tài nguyên nước, đảm bảo an toàn các nguồn nước, phòng ngừa và xử lý ô nhiễm nước, phòng chống tai biến nước phù hợp với các kịch bản BĐKH [25]; (vi) Phát triển hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, đánh giá, kiểm

soát chất lượng, số lượng và sử dụng tài nguyên nước; giảm nhẹ thủy tai và chia sẻ lợi ích nước xuyên biên giới [19, 20]; (vii) Hoàn thiện thể chế chính sách, nâng cao năng lực quản lý tài nguyên nước đảm bảo an ninh nguồn nước trong bối cảnh BĐKH; hoàn chỉnh các quy trình quản lý tổng hợp tài nguyên nước và các công trình khai thác, bảo vệ và sử dụng tài nguyên nước một cách khoa học trong điều kiện BĐKH; đảm bảo nguồn cung nước sạch bền vững, việc khai thác nước không vượt quá ngưỡng giới hạn khai thác đối với các sông, không vượt quá trữ lượng có thể khai thác đối với các tầng chứa nước [26].

3.1.5. Đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống cho đối tượng dễ bị tổn thương trong bối cảnh BĐKH

Đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống cho đối tượng dễ bị tổn thương do BĐKH là các biện pháp nhằm giảm thiểu những khó khăn về kinh tế và xã hội, đảm bảo các chăm sóc về y tế, và đời sống vật chất và tinh thần cho những người nghèo, người dễ bị tổn thương trước các tác động của BĐKH [27, 28].

Nội dung, giải pháp đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống cho đối tượng dễ bị tổn thương do BĐKH bao gồm: (i) Phát triển sinh kế bền vững và quá trình sản xuất thích ứng BĐKH gắn với tạo việc làm, nâng cao thu nhập và xóa đói giảm nghèo cho người nghèo và những người trong hoàn cảnh dễ bị tổn thương do các hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan, các cú sốc và thảm họa về môi trường, kinh tế, xã hội [27]; (ii) Xây dựng hệ thống bảo trợ xã hội để tất cả người nghèo, những người trong hoàn cảnh dễ bị tổn thương do các hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan, các cú sốc và thảm họa về môi trường, kinh tế, xã hội có thể tiếp cận và đảm bảo mức sống cơ bản; (iii) Lồng ghép nội dung đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống cho đối tượng dễ bị tổn thương trong các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, ngành, địa phương ứng phó BĐKH [13]; (iv) Phát triển hợp tác quốc tế về đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống cho đối tượng dễ bị tổn thương do các hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan, các cú sốc và thảm họa về môi trường, kinh tế, xã hội.

3.1.6. Đảm bảo bình đẳng giới trong bối cảnh BĐKH

Đảm bảo bình đẳng giới trong bối cảnh BĐKH là đảm bảo nam, nữ có vị trí và vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội như nhau trong tiếp cận các nguồn lực cần thiết để sinh sống, phát triển, thích ứng và giảm nhẹ BĐKH [28–30]. Nội dung đảm bảo bình đẳng giới trong bối cảnh BĐKH bao gồm: (i) Tăng cường sinh kế, nâng cao năng lực và khả năng chống chịu với BĐKH và thiên tai của phụ nữ [30]; (ii) Thúc đẩy vai trò, sự tham gia, và khả năng lãnh đạo của phụ nữ trong các hoạt động giảm thiểu rủi ro thiên tai và ứng phó với BĐKH tại cộng đồng [30]; (iii) Lồng ghép nội dung bình đẳng giới trong các chính sách và kế hoạch tài chính trong ứng phó với BĐKH [30]; (iv) Phát triển hợp tác quốc tế về đảm bảo bình đẳng giới trong bối cảnh BĐKH.

3.1.7. Đảm bảo sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh BĐKH

Đảm bảo sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh BĐKH là đảm bảo việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe và ngăn ngừa bệnh tật của các cá nhân trong cộng đồng trước các tác động của BĐKH, thiên tai. Nội dung đảm bảo sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh BĐKH bao gồm: (i) Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, đề cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mỗi người dân về đảm bảo sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh BĐKH [31]; (ii) Xây dựng và triển khai hệ thống chính sách chăm sóc sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh BĐKH, đảm bảo quyền lợi các nhóm xã hội dễ bị tổn thương bao gồm phụ nữ, trẻ em, người già, người nghèo, dân tộc thiểu số [12]; (iii) Thực hiện đồng bộ các biện pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả với BĐKH và thiên tai để giảm thiểu tác động đến sức khỏe cộng đồng; xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ các đề án, chương trình đảm bảo sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh BĐKH [12, 31]; (iv) Bảo đảm an ninh y tế, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh trong điều kiện BĐKH; cải tạo, nâng cấp, xây mới cơ sở hạ

tăng, hiện đại hóa trang thiết bị, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ ngành y tế từ trung ương tới địa phương và tăng cường công tác phòng chống các dịch bệnh và các bệnh mới trong bối cảnh BĐKH; nâng cao năng lực, đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe, giảm nhẹ tác động BĐKH đến sức khỏe [12, 31]; (v) Phát triển nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, xã hội và người dân để đảm bảo sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh BĐKH; (vi) Nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, đánh giá, dự báo các tác động của BĐKH và thiên tai đến đời sống và sức khỏe cộng đồng. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong đảm bảo sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh BĐKH [31].

3.2. Quản trị ANPTT liên quan BĐKH để PTBV ở Việt Nam

3.2.1. Các nội dung chính

Thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, bên cạnh những thành tựu to lớn thì tại Việt Nam trong những năm qua, ANPTT liên quan BĐKH đang trở thành vấn đề cấp bách, ảnh hưởng sâu rộng tới thực hiện các mục tiêu PTBV. Các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa ANPTT liên quan BĐKH ở Việt Nam ngày càng bất lợi đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia, an toàn và bền vững của doanh nghiệp, cộng đồng, cuộc sống con người, đồng thời cũng là sự thách thức to lớn đối với sự PTBV của đất nước.

Như đã phân tích ở trên, ANPTT hướng đến đảm bảo sự an toàn, ổn định, bền vững của nhà nước, xã hội, nền kinh tế, môi trường, tài nguyên, hệ sinh thái, doanh nghiệp, cộng đồng, con người [32]. Chính vì thế, ANPTT nói chung, an ninh liên quan BĐKH nói riêng có quan hệ chặt chẽ với PTBV.

Có thể đạt được nhiều mục tiêu PTBV, xây dựng một xã hội chống chịu cao và cacbon thấp, tuần hoàn trên cơ sở: (i) Duy trì các chức năng và giá trị sống còn, các dịch vụ hệ sinh thái (Ecosystem), đa dạng sinh học để PTBV); (ii) Phát triển kinh tế (Economy) xanh, tuần hoàn, cacbon thấp, chống chịu cao và thuận thiên, tạo dựng sinh kế bền vững cho người dân; (iii) Bảo vệ môi trường (Environment), hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường, ứng phó hiệu quả với tác động thiên tai [33, 34].

ANPTT liên quan BĐKH có thể góp phần đạt được các mục tiêu PTBV như sau:

- An ninh khí hậu trực tiếp góp phần thực hiện các mục tiêu PTBV số 13 (Ứng phó kịp thời, hiệu quả với BĐKH và thiên tai), có tác động tích cực đến thực hiện các mục tiêu khác của PTBV như mục tiêu số 2, 3, 4, 6, 7, 8 (Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người), 9 (Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới), 11 (Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng), 12 (Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững), 14 (Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để PTBV), 15 (Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất), 17 (Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự PTBV).

- An ninh lương thực trong bối cảnh BĐKH đóng góp cho việc đạt được mục tiêu PTBV số 2 (xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững) và mục tiêu PTBV số 3 (Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi) [26].

- An ninh năng lượng trong bối cảnh BĐKH giúp đạt được mục tiêu PTBV số 4 (Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người) [26].

- An ninh nguồn nước trong bối cảnh BĐKH góp phần thực hiện mục tiêu PTBV số 3 và mục tiêu PTBV số 6 (Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người) [26].

- Đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống cho đối tượng dễ bị tổn thương trong bối cảnh BĐKH là góp phần thực hiện các mục tiêu PTBV số 1 (Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi) và mục tiêu PTBV số 3 [26].

- Đảm bảo bình đẳng giới trong bối cảnh BĐKH góp phần thực hiện mục tiêu PTBV số 5 (Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái) [26];

- Đảm bảo sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh BĐKH góp phần thực hiện mục tiêu PTBV số 3 [26].

Thực hiện 17 mục tiêu PTBV là giải pháp chủ động và hiệu quả để bảo vệ ANPTT trong đó có an ninh khí hậu. PTBV tạo ra nền tảng kinh tế - xã hội, các nguồn lực, duy trì các chức năng sinh thái và môi trường, đa dạng sinh học, nâng cao khả năng chống chịu, phục hồi của hệ thống tự nhiên - xã hội trước các tác động từ biến đổi toàn cầu, trong đó có BĐKH. Cần áp dụng các giải pháp sau đây duy trì và phát triển an ninh khí hậu để PTBV ở Việt Nam:

- Tích hợp đồng bộ ANPTT với BVMT, duy trì hệ sinh thái và phát triển kinh tế xanh, cacbon thấp, ứng phó BĐKH vào PTBV và ngược lại: (i) tích hợp đồng bộ về nhận thức, mục tiêu chung (đảm bảo an toàn, bền vững, ổn định, nâng cao khả năng chống chịu của hệ thống tự nhiên - xã hội, con người,...); (ii) hiệu quả, lợi ích; (iii) thể chế chính sách (hội tụ vào đạt mục tiêu chung và mục tiêu riêng về ANPTT - BVMT - BĐKH - PTBV; nâng cao tính tương thích của pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế liên quan); (iv) chương trình và kế hoạch hành động, dự án triển khai; (v) nguồn lực (tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất,...).

- Nâng cao nhận thức về bản chất, xu thế, tác động và trách nhiệm của các bên liên quan trong thực hiện giải pháp ngăn chặn các mối đe dọa ANPTT (khí hậu, an ninh sinh thái, an ninh môi trường, an ninh tài nguyên, an ninh nước, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh kinh tế, an ninh con người, an ninh cộng đồng), an ninh quốc gia và an ninh nhân loại để BVMT, ứng phó BĐKH, PTBV.

- Chủ động, tích cực phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa ANPTT gắn với BVMT - BĐKH để PTBV; đẩy mạnh đầu tư và hội tụ các nguồn lực PTBV, an toàn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân gắn BVMT, ứng phó BĐKH.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về phòng ngừa, kiểm soát và ứng phó với các mối đe dọa ANPTT gắn với BVMT - ứng phó BĐKH - PTBV. Xây dựng cơ chế lòng tin và hoàn thiện khung khổ thể chế giữa các nước về ANPTT, BVMT, ứng phó BĐKH để PTBV. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế về phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền, BVMT, ứng phó BĐKH để PTBV thông qua cơ chế và phương thức đa tầng, đa phương và song phương, đa dạng, linh hoạt. Tăng cường chia sẻ: (i) thông tin hai chiều giữa Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế về phòng ngừa, kiểm soát và ứng phó ANPTT, thông qua thiết lập cơ chế hợp tác phù hợp và hữu hiệu; (ii) thành tựu khoa học, công nghệ, phát triển nhân lực và huy động nguồn lực tài chính phục vụ cho phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa ANPTT, BVMT, ứng phó BĐKH để PTBV.

- Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính đa dạng (ngân sách, doanh nghiệp; quan hệ đối tác công - tư, nguồn tài chính xã hội hóa, sự đóng góp của nhân dân, các nhà tài trợ; hợp tác quốc tế, thị trường tài chính carbon,...) cho hoạt động phòng ngừa, kiểm soát, ứng phó các mối đe dọa ANPTT gắn với BVMT, ứng phó BĐKH, PTBV.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức về ANPTT, BVMT, ứng phó BĐKH để PTBV, an toàn.

- Nâng cao năng lực và vai trò các bên liên quan trong tích hợp đồng bộ hệ thống ANPTT gắn với BVMT, ứng phó BĐKH để PTBV, an toàn. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn xã hội trong quản trị và kiểm soát các mối đe dọa ANPTT - BVMT - ứng phó BĐKH - PTBV. Nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng các cấp đối với hoạt động quản trị ANPTT - BVMT - ứng phó BĐKH - PTBV. Đổi mới, hoàn thiện quản lý nhà nước về tích hợp đồng bộ ANPTT - BVMT - ứng phó BĐKH - PTBV. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và doanh nghiệp trong phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa ANPTT - BVMT - ứng phó BĐKH - PTBV.

Thu hút sự tham gia của người dân trong phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa ANPTT - BVMT - ứng phó BĐKH - PTBV. Xây dựng và phát triển lực lượng, đầu tư nguồn lực cho quản trị ANPTT phù hợp với từng lĩnh vực, từng địa bàn, từng nội dung cụ thể, gắn với BVMT, ứng phó BĐKH để PTBV, an toàn.

3.2.2. Đề xuất trách nhiệm các bên liên quan về đảm bảo ANPTT liên quan BĐKH

Để bảo vệ an ninh phi truyền thống liên quan BĐKH, cần có sự phân công trách nhiệm và phối hợp giữa các bộ, ban ngành, địa phương như sau:

- Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh phi truyền thống liên quan BĐKH là Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Bộ Công An, Ủy ban quốc gia về BĐKH;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan, doanh nghiệp thực hiện bảo vệ an ninh lương thực trong bối cảnh BĐKH;
- Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan, doanh nghiệp thực hiện đảm bảo an ninh năng lượng trong bối cảnh BĐKH;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan, doanh nghiệp thực hiện đảm bảo an ninh nguồn nước trong bối cảnh BĐKH;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan, doanh nghiệp thực hiện đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống cho đối tượng dễ bị tổn thương do BĐKH; đảm bảo bình đẳng giới trong bối cảnh BĐKH;
- Bộ Y tế chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan, các cơ sở y tế tổ chức thực hiện các hoạt động đảm bảo sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh BĐKH.

4. Kết luận

1) ANPTT liên quan BĐKH bao gồm an ninh khí hậu, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng, an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo và đảm bảo bình đẳng giới và đảm bảo sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh BĐKH. ANPTT này có đóng góp tích cực vào việc thực hiện hầu hết các mục tiêu PTBV. PBBV là giải pháp chủ động và hiệu quả bảo vệ ANPTT.

2) Các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa ANPTT liên quan BĐKH ở Việt Nam ngày càng bất lợi đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia, an toàn và bền vững của doanh nghiệp, cộng đồng, cuộc sống con người, đồng thời cũng là sự thách thức to lớn đối với sự PTBV, an toàn của đất nước. Vì vậy, ANPTT liên quan BĐKH có vai trò ngày càng quan trọng đối với bảo vệ an ninh quốc gia, PTBV, thịnh vượng và an toàn của đất nước, xã hội, cộng đồng, doanh nghiệp và con người.

3) Cần áp dụng đồng bộ các giải pháp duy trì và phát triển ANPTT liên quan BĐKH để PTBV, an toàn ở Việt Nam: (i) Tích hợp đồng bộ ANPTT - BVMT - ứng phó BĐKH - PTBV; (ii) Nâng cao nhận thức cộng đồng về ANPTT; (iii) Chủ động, tích cực phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa ANPTT liên quan BĐKH; (iv) Tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; (v) Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính đa dạng; (vi) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức; (vii) Nâng cao năng lực và vai trò các bên liên quan trong tích hợp đồng bộ hệ thống ANPTT gắn với BVMT, ứng phó BĐKH để PTBV, an toàn.

ANPTT liên quan BĐKH là vấn đề còn mới ở nước ta nên cần được:

(i) Nghiên cứu bài bản, hệ thống, trong đó có áp dụng công thức quản trị ANPTT để làm rõ bản chất, hiện trạng, xu thế biến đổi, các giải pháp nâng cao mức độ an ninh, an toàn, bền vững của hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng, con người trước các đe dọa từ BĐKH, thiên tai để PTBV, thịnh vượng, an toàn.

(ii) Từng bước thể chế hoá trong các chủ trương, chính sách, hệ thống pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch hành động, dự án triển bảo vệ ninh phi truyền thống liên quan BDKH.

(iii) Phát triển nguồn nhân lực, năng lực nghiên cứu và quản trị ANPTT nói chung, liên quan BDKH nói riêng để góp phần PTBV, thịnh vượng, an toàn quốc gia, xã hội, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và từng cá nhân.

Đóng góp của tác giả: Xây dựng ý tưởng nghiên cứu: N.Đ.T.; Xử lý số liệu: N.Đ.T.; Viết bản thảo bài báo: N.Đ.T.; Chỉnh sửa bài báo: N.ĐT.

Lời cảm ơn: Tác giả xin trân trọng cảm ơn cán bộ của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam đã tham gia thu thập số liệu sử dụng trong bài báo.

Lời cam đoan: Tác giả cam đoan bài báo này là công trình nghiên cứu của tác giả, chưa được công bố ở đâu, không được sao chép từ những nghiên cứu trước đây; không có sự tranh chấp lợi ích trong nhóm tác giả.

Tài liệu tham khảo

1. Hưởng, N.V. An ninh phi truyền thống: nguy cơ, thách thức, chủ trương và giải pháp đối phó ở Việt Nam. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, tr. 278.
2. Hưởng, N.V.; Phi, H.Đ. Cần quản trị tốt an ninh phi truyền thống để ổn định và phát triển bền vững. Viện nghiên cứu phát triển Phương Đông, 2020. Trục tuyến: <https://ordi.vn/can-quan-tri-tot-an-ninh-phi-truyen-thong-de-on-dinh-va-phat-trien-ben-vung.html>.
3. Huấn, Đ.M. An ninh phi truyền thống: Quan niệm và đặc điểm chủ yếu. *Tạp chí Mặt trận* 2017. Trục tuyến: <http://tapchimattran.vn/nguyen-cuu/an-ninh-phi-truyen-thong-quan-niem-va-dac-diem-chu-yeu-10490.html>.
4. Huấn, Đ.M.; Khiếu, N.L. Một số giải pháp phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay. Cổng thông tin điện tử Công an tỉnh Thái Bình, 2017. Trục tuyến: <https://congan.thaibinh.gov.vn/tin-hoat-dong-cua-catp/chuyen-de-chuyen-muc/mot-so-giai-phap-phong-ngua-ung-pho-voi-cac-moi-de-doa-an-ni.html>.
5. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam 2011. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011.
6. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam 2016. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016.
7. Luật Bảo vệ môi trường 2014. Quốc Hội, 2014.
8. Edenhofer, O.; Pichs-Madruga, R.; Sokona, Y.; Farahani, E.; Kadner, S.; Seyboth, K.; Adler, A.; Baum, I.; Brunner, S.; Eickemeier, P.; Kriemann, B.; Savolainen, J.; Schlömer, S.; Stechow, C.V.; Zwickel, T.; Minx, J.C. Climate change 2014: Mitigation of climate change, contribution of working group III to the fifth assessment report of the intergovernmental panel on climate change, Cambridge University Press, Cambridge, United Kingdom and New York, NY, USA, 2014, pp. 1454.
9. Chinh, N.T. Những vấn đề an ninh phi truyền thống và tác động của nó đối với các nước. Hội đồng lý luận trung ương, 2019. Trục tuyến: <http://hdl.vn/vi/nguyen-cuu---trao-doi/nhung-van-de-an-ninh-phi-truyen-thong-va-tac-dong-cua-no-doi-voi-cac-nuoc.html>.
10. Nghị quyết về Đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Chính Phủ, 2006.
11. America's Climate Security Act 2007. Committee on Environment and Public works United States senate, 2007.
12. Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu. Thủ tướng Chính phủ, 2011.
13. Report Climate security. Ministry of the Environment of Japan, 2007.
14. Conger, J.; Fermia, F. A climate security plan for America. The Center for Climate and Security, 2019.
15. Climate change and International Security. European Commission to the European Council, 2007.

16. Climate change and food security: risk and response. FAO, 2015. Available online: <http://www.fao.org/3/i5188e/i5188e.pdf>.
17. Global Food Security Act of 2016. US, 2016.
18. Kết luận số 53-KL/TW 2009 về Đề án an ninh lương thực quốc gia đến năm 2020. Ban chấp Hành Trung Ương, 2009.
19. Nghị quyết số 24-NQ/TW về Ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Ban chấp Hành Trung Ương, 2013.
20. Quyết định số 2053/QĐ-TTg về Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris. Thủ tướng Chính phủ, 2016.
21. Nghị quyết số 55-NQ/TW về định hướng phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ban chấp Hành Trung Ương, 2020.
22. Quyết định số 2068/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thủ tướng Chính phủ, 2015.
23. Caballero-Anthony, M. An introduction to non-traditional security studies: a transnational approach. Sage Publication Ltd, 2015.
24. Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Quốc Hội, 2010.
25. Quyết định số 432/QĐ-TTg về Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020. Thủ tướng Chính phủ, 2011.
26. Quyết định số 622/QĐ-TTg về Kế hoạch hành động Quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Thủ tướng Chính phủ, 2017.
27. Nghị quyết số 15-NQ/TW về một số vấn đề về chính sách xã hội. Ban chấp Hành Trung Ương, 2012.
28. Paris agreement 2015. United nations Framework convention climate change, 2015.
29. Luật Bình Đẳng giới 2006. Quốc Hội, 2006.
30. Gender equality in the 2030 agenda for sustainable development. UN Women, 2018.
31. Nghị quyết 20-NQ/TW về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Ban chấp Hành Trung Ương, 2017.
32. Phi, H.D.; Huong, N.V.; Tuan, H.A.; Huyen, N.X. Management of nontraditional security: A new approach. *Int. J. Engi. Appl. Manage. Sci. Paradigms*, **2019**, 54(1), 253 – 262.
33. Hoài, N.Đ.; Dũng, L.V.; Quy, T.Đ.; Tuệ, N.T.; Hà, N.T.H.; Hà, N.T.T.; Mạnh, L.T.; Biên, N.Q.; Tiên, H.; Nhuận, M.T. Mô hình sử dụng bền vững tài nguyên rừng ở khu vực biên giới Việt - Lào Tây Bắc trong bối cảnh biến đổi khí hậu, lấy ví dụ xã Na Ú, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, Đa dạng sinh học và Biến đổi khí hậu. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2019, tr. 330-342.
34. Quy, T.Đ.; Hoài, N.Đ.; Nhuận, M.T.; Hà, N.T.T.; Hà, N.T.H.; Tuệ, N.T.; Dũng, L.V. Nghiên cứu mô hình phát triển bền vững tích hợp sinh kế - môi trường - hệ sinh thái ứng phó thông minh với biến đổi khí hậu cho khu vực miền núi Tây Bắc, lấy ví dụ xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Đa dạng sinh học và Biến đổi khí hậu. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2019, tr. 307-320.

Governance of non-traditional security related to climate change for sustainable development

Nguyen Duc Toan^{1*}

¹ The Vietnam Agency of Seas and Islands; toantnmt@gmail.com

Abstract: Facing challenges of global change, non-traditional security related to climate change is increasingly important for socio-economic stability and sustainable development of the nation. The governance solutions to maintain non-traditional security related to climate change for sustainable development in Vietnam include (i) Integrate synchronously non-traditional security - protection environment - climate change response - sustainable development; (ii) Raise awareness about the characteristics, trends and impacts of climate change and the responsibilities of stakeholders in implementing solutions to prevent non-traditional security threats; (iii) Proactively prevent and respond to non-traditional security

threats related to climate change; (iv) Strengthen and improve efficiency of international cooperation on the prevention, control and response to non-traditional security threats; (v) Mobilize and efficiently use diversified financial resources; (vi) Promote scientific research, technology development, and knowledge transfer on non-traditional security, environmental protection, and climate change response for sustainable development and safety; (vii) Enhance the capacity and roles of stakeholders in synchronous integration of non-traditional security system in association with environmental protection and climate change response for sustainable development and safety.

Keywords: Governance; Non-traditional security; Climate change; Sustainable development.